

Số: 231214.01/GM-TCT
V/v: Họp ĐHCĐ bất thường 2024

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2023

GIẤY MỜI

Kính mời: ...cố'đông của VIDIFI.....

Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam trân trọng kính mời Ông/Bà tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam.

1. Nội dung cuộc họp:

- Bầu Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028.
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIDIFI.

2. Thời gian: 13h30', Thứ Năm, ngày 04/01/2024.

3. Địa điểm: Phòng họp số 1 - Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam, Tầng 8, Tòa nhà LILAMA 10, đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Trân trọng kính mời!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các Thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, VP HĐQT./.

TU. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT



Phạm Quang Huy

**DANH MỤC TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
CỦA TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
VIỆT NAM NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Giấy mời số 231214.01/GM-TCT ngày 14/12/2023)

1. Chương trình họp ĐHĐCĐ.
2. Giấy ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ bất thường 2024 (trường hợp có ủy quyền).
3. Dự thảo Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ bất thường 2024.
4. Tờ trình ĐHĐCĐ về bầu Ban Kiểm soát Tổng Công ty nhiệm kỳ 2023-2028.
5. Tờ trình ĐHĐCĐ về sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIDIFI.
6. Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội./.



CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VIỆT NAM
BẤT THƯỜNG NĂM 2024

- Thời gian tổ chức Đại hội: 13h30', Thứ Năm, ngày 04/01/2024.
- Địa điểm: Phòng họp số 1 - Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam – Tầng 8 – Tòa nhà LILAMA 10, Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

THỜI GIAN	NỘI DUNG	NGƯỜI THỰC HIỆN
13h30-14h00	Đón tiếp đại biểu	Văn phòng HĐQT
14h00-14h15	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khai mạc Đại hội và thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội	Văn phòng HĐQT, Chủ tịch HĐQT
14h15-14h30	Tờ trình về bầu Ban Kiểm soát Tổng Công ty nhiệm kỳ 2023-2028	Chủ tịch HĐQT Nguyễn Minh Thọ
14h30-15h00	Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIDIFI	Thành viên HĐQT, TGD Trần Anh Tú
15h00-15h30	Thảo luận và Biểu quyết các nội dung	Các cổ đông
15h30-15h45	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Chủ tịch HĐQT, Văn phòng HĐQT
	Bế mạc Đại hội	Chủ tịch HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024
CỦA TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VIỆT NAM

**Kính gửi: Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam
(VIDIFI, JSC)**

Người ủy quyền:

Ông/Bà [*Tên của người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp của cổ đông pháp nhân tại VIDIFI*]

CMTND số:

Ngày cấp:Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Hiện đang là đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp của [*ghi tên của cổ đông pháp nhân*]

Giấy chứng nhận ĐKKD số:.....cấp ngày.....tại:.....

Địa chỉ (cổ đông) :

Điện thoại:.....Fax:.....

Số cổ phần sở hữu: cổ phần, chiếm % Vốn điều lệ của Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam.

ỦY QUYỀN CHO

Người được ủy quyền:

Ông/Bà: [*Ghi họ tên của người được ủy quyền*]

CMTND số:

Ngày cấp:Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Nội dung ủy quyền: Người được ủy quyền thay mặt Người ủy quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề có liên quan tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam tương ứng với số cổ phần do [Ghi tên cổ đông pháp nhân]sở hữu và được Người ủy quyền làm đại diện quản lý phần vốn góp tại Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam.

[Cổ đông pháp nhân] và Ông/bà [Tên người ủy quyền] hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỔ ĐÔNG PHÁP NHÂN
(Đại diện theo pháp luật
của cổ đông ký và ghi rõ họ
tên, đóng dấu)

Lưu ý:

1. Giấy ủy quyền này được lập thành 04 bản, Cổ đông pháp nhân giữ 01 bản, người ủy quyền giữ 01 bản, người được ủy quyền giữ 01 bản và 01 bản được gửi cho Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam theo địa điểm và thời hạn quy định trong Giấy mời họp.
2. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp (tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 18 Điều lệ của Tổng Công ty).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2024

QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024

Nhằm đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức tiến hành Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) của Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam (VIDIFI) được thành công tốt đẹp, Ban Tổ chức trình HĐQT thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội (ĐH) như sau:

Điều 1. Trật tự của đại hội

- Cổ đông dự ĐH phải đúng thời gian theo quy định trong Giấy mời họp.
- Không hút thuốc lá trong phòng, điện thoại di động để chế độ rung và giữ trật tự trong quá trình diễn ra ĐH.

Điều 2. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại ĐH

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự tại ĐH đều phải được thông qua bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu biểu quyết theo đúng nguyên tắc được Chủ tọa, Ban kiểm phiếu hướng dẫn.

Điều 3. Phát biểu ý kiến tại ĐH

Cổ đông, khách mời tham dự ĐH phát biểu ý kiến/thảo luận cần tập trung vào những nội dung trọng tâm phù hợp với chương trình nghị sự được ĐH thông qua trên tinh thần góp ý xây dựng.

Điều 4. Trách nhiệm của Ban Kiểm tra tỷ lệ cổ đông (Thư ký cuộc họp kiêm nhiệm)

- Kiểm tra tỷ lệ cổ đông (Người đại diện quản lý vốn) hoặc người được ủy quyền đến họp;
- Phát tài liệu cho cổ đông (người đại diện) hoặc Người được ủy quyền của cổ đông;
- Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 5. Trách nhiệm của Chủ tọa (Chủ tịch HĐQT)

- Điều khiển ĐH theo đúng nội dung chương trình nghị sự và Quy chế đã được ĐH thông qua;

- Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, quyết định theo đa số;

- Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra ĐH.

Điều 6. Trách nhiệm của Thư ký

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến chương trình ĐH và tất cả các vấn đề đã được cổ đông thông qua tại ĐH;

- Dự thảo Biên bản ĐH và các Nghị quyết về những vấn đề đã được thông qua tại ĐH.

Điều 7. Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu (nếu có)

- Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông và các vấn đề đã được thông qua tại ĐH. Nhanh chóng thông báo cho Thư ký kết quả biểu quyết;

- Phát và thu phiếu bầu cử, tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả;

- Xem xét và báo cáo với ĐH quyết định những trường hợp vi phạm tại ĐH về bầu cử, đơn khiếu nại về bầu cử.

Điều 8. Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ

Tất cả những vấn đề, nội dung tại ĐH phải được Thư ký ĐH ghi vào Biên bản họp. Tất cả các nội dung ĐH đã biểu quyết thông qua phải được đưa vào Nghị quyết ĐH. Biên bản ĐH phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc ĐH và được lưu tại Văn thư, Văn phòng HĐQT.

Trên đây là toàn bộ nội dung Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ bắt thường năm 2024 của Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Thọ

Số: 231214.01/TTr - HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2023

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ VIỆC BẦU BAN KIỂM SOÁT
VIDIFI NHIỆM KỲ 2023 - 2028**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam (Tổng Công ty/VIDIFI);

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020,

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo cổ đông về việc bầu Ban Kiểm soát VIDIFI nhiệm kỳ 2023-2028 như sau:

1. Quy định về số lượng, nhiệm kỳ Ban Kiểm soát VIDIFI

Theo khoản 1 Điều 168 của Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 1 Điều 32 của Điều lệ VIDIFI: Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Ban Kiểm soát VIDIFI nhiệm kỳ 2018-2023

Tại Nghị quyết số 180507.01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/5/2018, ĐHĐCĐ VIDIFI đã bầu Ban Kiểm soát VIDIFI nhiệm kỳ 2018-2023 gồm các thành viên:

- Ông Nguyễn Xuân Trường (chuyên trách);
- Ông Nguyễn Văn Minh Tuệ (kiêm nhiệm Phó Giám đốc Ban Kiểm tra nội bộ VIDIFI);
- Ông An Chí Thành - người đại diện phần vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) tại VIDIFI.

Tại văn bản số 1092/VCB-TCNS ngày 28/9/2022, cổ đông VCB giới thiệu bà Nguyễn Ngọc Yến ứng cử Kiểm soát viên VIDIFI nhiệm kỳ 2018-2023 thay thế ông An Chí Thành. Trên cơ sở ý kiến của cổ đông VDB (cổ đông chi phối sở hữu 96,97% tổng số cổ phần phổ thông của VIDIFI) tại văn bản số 01/TB-NHPT ngày 09/01/2023, ĐHĐCĐ VIDIFI đã có Nghị quyết số 230214.01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/2/2023 miễn nhiệm Kiểm soát viên VIDIFI nhiệm kỳ 2018-2023 đối với ông An Chí Thành kể từ ngày 15/02/2023 và bầu bà Nguyễn Ngọc Yến - người đại diện quản lý phần vốn của VCB tại VIDIFI - là Kiểm soát viên VIDIFI nhiệm kỳ 2018-2023 kể từ ngày 15/02/2023.

3. Việc đề cử người và bầu Ban Kiểm soát VIDIFI

a. Theo điểm a, b Khoản 5 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp 2020 và theo điểm a khoản 3 Điều 13 của Điều lệ VIDIFI, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

Cổ đông Ngân hàng Phát triển Việt Nam (cổ đông sở hữu 96,97% tổng số cổ phần phổ thông) đã đề cử người vào Ban Kiểm soát VIDIFI nhiệm kỳ 2023-2028 gồm:

+ Ông Nguyễn Xuân Trường - Trưởng Ban Kiểm soát VIDIFI nhiệm kỳ 2018-2023 – Thành viên chuyên trách.

+ Ông Nguyễn Văn Minh Tuệ - Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2018-2023 - Thành viên kiêm nhiệm.

+ Ông Nguyễn Quang Trung - Chánh Văn phòng HĐQT VIDIFI - Thành viên kiêm nhiệm.

b. Theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Luật Doanh nghiệp 2020 và điểm h khoản 1 Điều 15 của Điều lệ VIDIFI, ĐHĐCĐ VIDIFI có quyền và nghĩa vụ: Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên;

Như vậy, thẩm quyền bầu, miễn nhiệm Kiểm soát viên VIDIFI thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ VIDIFI.

4. Đề xuất, kiến nghị:

Trên cơ sở đề cử của cổ đông VDB, HĐQT Tổng Công ty kính trình các cổ đông một số nội dung sau:

a. Bầu các nhân sự dưới đây vào Ban Kiểm soát VIDIFI nhiệm kỳ 2023 - 2028:

+ Ông Nguyễn Xuân Trường - Trưởng Ban Kiểm soát VIDIFI nhiệm kỳ 2018-2023 – Thành viên chuyên trách.

+ Ông Nguyễn Văn Minh Tuệ - Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2018-2023 - Thành viên kiêm nhiệm.

+ Ông Nguyễn Quang Trung - Chánh Văn phòng HĐQT VIDIFI - Thành viên kiêm nhiệm.

b. Các Kiểm soát viên được hưởng thù lao, tiền lương, thưởng theo quy định của Tổng Công ty. *AK*

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, VP HĐQT./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TUQ. CHỦ TỊCH HĐQT
THÀNH VIÊN HĐQT**



Phạm Quang Huy

Tài liệu đính kèm: Lý lịch trích ngang của 03 nhân sự đề cử vào Ban Kiểm soát

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

Họ và tên: NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG

Ngày sinh: 28/11/1970

Quê quán: Phú Khê- Sông Thao- Phú Thọ

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

• Quá trình đào tạo

Thời gian	Nội dung đào tạo	Nơi đào tạo
1990-1994	Tài chính – Tín dụng	Đại học Tài chính-Kế toán
07/1994	Chứng chỉ kiểm toán quốc tế	Đại học Tài chính kế toán
11/1998-4/1999	Chứng chỉ ngoại ngữ Trung cấp I	Cục đào tạo bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước
2002	Chứng chỉ kế toán trưởng	ĐH Kinh tế QĐ
8/2008	Chứng chỉ Tin học văn phòng	Công ty CP văn hóa & Giám dục Quốc tế
2012	Chứng chỉ kiểm toán viên	Bộ Tài chính

• Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị	Chức vụ
11/1994-12/1994	Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai	Chuyên viên
1/1995 – 6/2001	Sở Tài chính vật giá tỉnh Lào Cai	Chuyên viên
7/2001 – 8/2002	Công ty chế biến nông sản và thực phẩm xuất khẩu Bắc Giang	Trưởng phòng Kế toán tài chính
9/2002 – 3/2008	Tổng Công ty rau quả - nông sản – Vegetexco	Phó trưởng phòng Kế toán tài chính
4/2008-5/2009	Công ty cổ phần sân gôn ngôi sao Chí Linh	Kế toán trưởng
6/2009-5/2010	Công ty Bê Tông VIDIFI	Phó trưởng phòng PT phòng TCKT
6/2010-6/2013	Công ty Bê tông VIDIFI	Kế toán trưởng
7/2013-12/2014	Tổng Công ty VIDIFI	Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát
01/2015 – 5/2018	Tổng Công ty VIDIFI	Phó Giám đốc Ban TCKT
5/2018- nay	Tổng Công ty VIDIFI	Trưởng Ban kiểm soát



LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

Họ và tên: **NGUYỄN QUANG TRUNG**

Ngày sinh: 24/8/1979

Quê quán: Liên Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình.

Chức vụ: Chánh Văn phòng HĐQT VIDIFI

• Quá trình đào tạo

Thời gian	Nội dung đào tạo	Nơi đào tạo
1997 - 2001	Tài chính – tín dụng	Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội
2001	Tiếng Anh C	Viện Đại học Mở
2013 - 2015	Thạc sĩ kinh tế	Học viện Tài chính
2014	Tiếng Anh B1 Châu Âu	Học viện Tài chính
2015 – 2016	Trung cấp Lý luận chính trị - Hành chính	Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam
2016 – 2018	Cao cấp Lý luận chính trị	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

• Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị	Chức vụ
Từ T9/2001 đến T5/2003	Phòng Kế toán - Công ty Vận tải dịch vụ - Cục Dự trữ Quốc gia	Chuyên viên
Từ T6/2003 đến T9/2003	Phòng Kế toán - Chi Cục dự trữ Hà Nội - Cục Dự trữ Quốc gia	Chuyên viên tại
Từ T9/2003 đến T6/2006	Quỹ Hỗ trợ phát triển	Chuyên viên
Từ T6/2006 đến T10/2008	Phòng Tổng hợp thư ký - Văn phòng Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Chuyên viên
Từ T11/2008 đến T5/2010	Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam (VIDIFI)	Thư ký Chủ tịch HĐQT
Từ T6/2010 đến T5/2011	Phòng Tổng hợp thư ký - Ban Kế hoạch tổng hợp - VIDIFI	Phó Trưởng phòng
Từ T5/2011 đến T11/2012	Phòng Tổng hợp thư ký - Ban Kế hoạch tổng hợp - VIDIFI	Trưởng Phòng
Từ T12/2012 đến T8/2013	Văn phòng HĐQT VIDIFI	Thành viên chuyên trách
Từ T8/2013 đến T5/2016	Văn phòng HĐQT VIDIFI	Phó Chánh văn phòng HĐQT, Phụ trách Văn phòng HĐQT
Từ T6/2016 đến nay	Văn phòng HĐQT VIDIFI	Chánh Văn phòng HĐQT

56598
CÔNG TY
HÀ TÀI
TÀI CHÍNH
NAM
IFI
5 HÀ NỘI

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN MINH TUỆ**

Ngày sinh: 25/8/1980

Quê quán: Xã Đại Mỗ, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội.

Chức vụ: Phó Giám đốc Ban Kiểm tra Nội bộ, Thành viên Ban Kiểm soát VIDIFI

• Quá trình đào tạo

Thời gian	Nội dung đào tạo	Nơi đào tạo
9/1998 - 2/2003	Kỹ sư xây dựng cầu đường	Đại học Xây dựng
8/2005 - 9/2005	Chứng chỉ giám sát thi công XDCT	Trường đào tạo cán bộ ngành xây dựng
10/2008	Chứng chỉ Ngoại ngữ C	Trung tâm ngoại ngữ – Bồi dưỡng kiến thức Đông Á
12/2010	Chứng chỉ Thẩm định giá	Hội thẩm định giá Việt Nam
9/2011	Chứng chỉ Đấu thầu	Công ty CP đào tạo và nghiên cứu quản lý kinh tế

• Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị	Chức vụ
T2/2003 - T5/2003	Công ty CP TVĐTXD giao thông công chính – CCIC	Kỹ sư thiết kế
T6/2003 - T12/2005	Công ty CPĐT và XD HUD3	Kỹ sư trưởng
T1/2006 - T1/2007	Công ty CP PTĐT và KCN Việt Nam	Kỹ sư hiện trường + Kỹ sư khối lượng
T2/2007 - T8/2007	Công ty CP Constrexim Holding	Kỹ sư hiện trường + Kỹ sư khối lượng
T9/2007 - 15/9/2010	Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam	Trưởng nhóm kiểm toán
15/9/2010 - T8/2014	Phòng Kiểm tra nội bộ - Ban Kế hoạch tổng hợp - VIDIFI	Chuyên viên
T9/2014 - T8/2015	Phòng Kỹ thuật - Ban QLDA đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng - VIDIFI	Chuyên viên
T9/2015 - T1/2016	Phòng Kỹ thuật - Ban QLDA đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng - VIDIFI	Phó Trưởng phòng
T2/2016 - T4/2017	Phòng quyết toán Dự án - Ban Tài chính - Kế toán - VIDIFI	Phó Trưởng phòng
T5/2017 - đến nay	Ban Kiểm tra Nội bộ - VIDIFI	Phó Giám đốc
T7/2013 - đến nay	Ban Kiểm soát - VIDIFI	Thành viên kiêm nhiệm Ban Kiểm soát

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ CỦA VIDIFI**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Phát triển hạ tầng
và Đầu tư tài chính Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020)
và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính
Việt Nam (VIDIFI),

HĐQT VIDIFI kính báo cáo các cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ
của VIDIFI với một số nội dung chính như sau:

1. Sự cần thiết phải sửa đổi Điều lệ VIDIFI:

Điều lệ hiện hành của VIDIFI được sửa đổi và ban hành theo Nghị quyết
số 151228.01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/12/2015 của Đại hội đồng cổ đông VIDIFI
(Sau đây gọi là "Điều lệ 2015"). Điều lệ 2015 được xây dựng căn cứ trên Luật
Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (Luật Doanh nghiệp 2014).

Luật Doanh nghiệp 2020 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có
hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và thay thế Luật Doanh nghiệp 2014. Luật
Doanh nghiệp 2020 có nhiều nội dung thay đổi, bổ sung so với Luật Doanh
nghiệp 2014, trong đó có nhiều nội dung thay đổi đối với công ty cổ phần (như
cổ phiếu, trái phiếu, quyền, nghĩa vụ của cổ đông) và bổ sung đáng kể đối với
phạm vi về doanh nghiệp nhà nước.

Trong hoạt động của VIDIFI, ngoài việc phải tuân thủ, chấp hành theo các
quy định của pháp luật thì Điều lệ VIDIFI là một trong những văn bản quan
trọng nhất trong việc quản lý và điều hành mà VIDIFI phải có để vừa đảm bảo
quy định pháp luật vừa đảm bảo phù hợp với mô hình của VIDIFI. Điều lệ quy
định các vấn đề cốt lõi cho sự vận hành của VIDIFI. Tuy nhiên, trong quá trình
hoạt động, ngoài sự thay đổi liên quan trực tiếp do sự thay đổi của pháp luật liên
quan thì Điều lệ cũng cần thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động của
VIDIFI.

Do đó, Điều lệ của VIDIFI cần thiết phải sửa đổi để phù hợp với sự thay
đổi của Luật Doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn và để phù hợp với thực tế
hoạt động của VIDIFI.



2. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VIDIFI:

Theo khoản 1 Điều 24 của Luật Doanh nghiệp 2020, *Điều lệ công ty bao gồm Điều lệ khi đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ được sửa đổi, bổ sung trong quá trình hoạt động*. Do đó, VIDIFI đã dự thảo theo kết cấu Điều lệ sửa đổi, bổ sung, cập nhật để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020, tình hình hoạt động của VIDIFI với một số nội dung sửa đổi, bổ sung chính như sau:

- Thứ nhất, điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.
- Thứ hai, thay đổi về ngưỡng tỷ lệ biểu quyết của ĐHĐCĐ.
- Thứ ba, bổ sung/nêu cụ thể quyền hạn cho ĐHĐCĐ theo quy định mới.
- Thứ tư, sửa đổi, bổ sung về tiêu chuẩn và điều kiện Trưởng Ban kiểm soát, kiểm soát viên.

Ngoài ra, những nội dung sửa đổi, bổ sung khác được nêu chi tiết theo Bản thuyết minh cụ thể một số Điều sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VIDIFI và Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VIDIFI đính kèm theo Tờ trình này.

3. Việc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ về sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VIDIFI:

a. Thẩm quyền về quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VIDIFI:

Theo điểm đ khoản 2 Điều 138 của Luật Doanh nghiệp 2020 và điểm j khoản 1 Điều 15 của Điều lệ VIDIFI, ĐHĐCĐ VIDIFI có quyền và nghĩa vụ: quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VIDIFI.

Như vậy, việc quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VIDIFI thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ VIDIFI.

b. Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ về sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VIDIFI:

Theo điểm a khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp 2020 và điểm a khoản 2 Điều 20 của Điều lệ VIDIFI, nghị quyết ĐHĐCĐ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ đối với việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VIDIFI.

Theo khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp 2020, *Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật này và Điều lệ công ty*.

Ngày 30/6/2023, HĐQT VIDIFI đã có Tờ trình số 230630.01/TTr - HĐQT trình cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIDIFI bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Tuy nhiên, đến thời hạn biểu quyết, cổ đông Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây

dụng Việt Nam không gửi lại phiếu xin ý kiến cổ đông nên nội dung về sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIDIFI chưa được ĐHĐCĐ thông qua. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cổ đông, VIDIFI đã tiếp thu, hoàn thiện Điều lệ VIDIFI sửa đổi, bổ sung.

4. Đề xuất, kiến nghị của HĐQT:

Trên cơ sở các nội dung trên, HĐQT VIDIFI kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VIDIFI. *AK*

(Chi tiết theo Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VIDIFI)

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VP HĐQT, VT./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TU. CHỦ TỊCH HĐQT
THÀNH VIÊN HĐQT**



Phạm Quang Huy

Tài liệu đính kèm: Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VIDIFI.



Số: 240104. /BB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2024

BIÊN BẢN

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VIỆT NAM BẤT THƯỜNG

1. Tên doanh nghiệp: TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VIỆT NAM

- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0102356598 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 6 ngày 06/6/2022.

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, 9, 10 Toà nhà LILAMA 10, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: 0243.7711668

Fax: 0243.7711669

2. Thời gian và địa điểm:

- Thời gian: 13h30, Thứ Năm, ngày 04/1/2024.

- Địa điểm: Phòng họp Số 1 - Tầng 8 – Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam, Tòa nhà LILAMA 10, đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

3. Thành phần tham dự:

3.1. Các cổ đông của Tổng Công ty (tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là 379.967.529 cổ phần):

Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết là 03 cổ đông theo danh sách sau:

TT	Tên các cổ đông	Mức vốn góp hay giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ trong Tổng số vốn điều lệ (%)	Số lượng cổ phần phổ thông	Người đại diện quản lý phần vốn
01	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)	3.684.675.290.000	96,973	368.467.529	Ông Nguyễn Minh Thọ đại diện 184.233.764 cổ phần tương đương 48,487% tổng vốn điều lệ Ông Trần Anh Tú đại diện 110.540.259 cổ phần tương đương 29,092% tổng vốn điều lệ Ông Phạm Quang Huy đại diện 73.693.506 cổ phần tương đương 19,395% tổng vốn điều lệ

TT	Tên các cổ đông	Mức vốn góp hay giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ trong Tổng số vốn điều lệ (%)	Số lượng cổ phần phổ thông	Người đại diện quản lý phần vốn
02	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	75.000.000.000	1,974	7.500.000	Bà Nguyễn Ngọc Yến đại diện 7.500.000 cổ phần tương đương 1,974% tổng vốn điều lệ
03	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	40.000.000.000	1,053	4.000.000	Ông Dương Văn Mậu đại diện 4.000.000 cổ phần tương đương 1,053% tổng vốn điều lệ
Tổng số		3.799.675.290.000	100%	379.967.529	

- Theo qui định tại điều 145 Luật doanh nghiệp năm 2020: “Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết, tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định”. Tại khoản 7, điều 18 Điều lệ Tổng Công ty quy định: “Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết”.

Tỷ lệ cổ đông có quyền biểu quyết tham gia cuộc họp là: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (379.967.529 cổ phần/379.967.529 cổ phần có quyền biểu quyết). Do vậy, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có đủ điều kiện để tiến hành theo đúng quy định.

3.2. Hội đồng quản trị:

- Ông Nguyễn Minh Thọ – Chủ tịch HĐQT.
- Ông Trần Anh Tú – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.
- Ông Phạm Quang Huy – Thành viên HĐQT.

3.3. Ban Kiểm soát:

- Ông Nguyễn Xuân Trường - Trưởng Ban.
- Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thành viên.
- Ông Nguyễn Văn Minh Tuệ - Thành viên.

3.4. Đại biểu:

3.5. Chủ tọa, thư ký:

- Chủ tọa: Ông Nguyễn Minh Thọ – Chủ tịch HĐQT.
 - Thư ký: Ông Nguyễn Quang Trung – Chánh Văn phòng HĐQT.
 - Ban Kiểm phiếu: Ông Nguyễn Văn Minh Tuệ - TV Ban Kiểm soát
- Đại hội nhất trí thông qua Thư ký và Ban Kiểm phiếu.

4. Mục đích cuộc họp:

- Bầu Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028.
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIDIFI.

NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI:

I. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông:

Ông Nguyễn Quang Trung thay mặt Ban Thẩm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra các điều kiện theo quy định và trình bày Báo cáo Thẩm tra tư cách cổ đông. Với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết lớn hơn 50%, Đại hội đủ điều kiện để tiến hành theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

II. Khai mạc Đại hội:

- Ông Nguyễn Quang Trung - Chánh văn phòng HĐQT Tổng Công ty tuyên bố lý do tổ chức và khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường của Tổng Công ty phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam.

- Giới thiệu các cổ đông, đại biểu tham dự.

- Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội: Đại hội nhất trí Quy chế làm việc tại Đại hội (chi tiết kèm theo).

- Giới thiệu chương trình làm việc của Đại hội: Đại hội nhất trí chương trình họp đại hội đồng cổ đông (chi tiết kèm theo).

III. Trình bày các Tờ trình tại đại hội:

1. Tờ trình về bầu Ban Kiểm soát Tổng Công ty nhiệm kỳ 2023-2028:

- Người trình bày: Ông Nguyễn Minh Thọ – Chủ tịch HĐQT.

- Nội dung: theo báo cáo đính kèm.

2. Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIDIFI.

- Người trình bày: Ông Trần Anh Tú – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

- Nội dung: theo Tờ trình đính kèm.

IV. Ý kiến thảo luận của các cổ đông và trả lời của đại diện VIDIFI:

V. Nội dung biểu quyết:

1. Bầu các Thành viên dưới đây vào Ban Kiểm soát VIDIFI nhiệm kỳ 2023 - 2028 theo nội dung Tờ trình ĐHCĐ số 231214.01/TTr-HĐQT ngày 14/12/2023 của HĐQT Tổng Công ty, cụ thể như sau:

a. Ông Nguyễn Xuân Trường - Thành viên chuyên trách.

b. Ông Nguyễn Quang Trung - Thành viên kiêm nhiệm.

c. Ông Nguyễn Văn Minh Tuệ - Thành viên kiêm nhiệm.

Giao Ông Nguyễn Xuân Trường triệu tập các Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2023 - 2028 họp phiên đầu tiên để bầu Trưởng Ban Kiểm soát VIDIFI nhiệm kỳ 2023 - 2028 theo quy định.

2. Các Kiểm soát viên được hưởng thù lao, tiền lương, thưởng theo quy định của Tổng Công ty.

3. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIDIFI theo nội dung Tờ trình ĐHCĐ số 231214.02/TTr-HĐQT ngày 14/12/2023 của HĐQT Tổng Công ty

VI. Kết quả biểu quyết:

Kết quả biểu quyết các nội dung 1,2,3 nêu trên như sau:

T T	Tên cổ đồng	Người đại diện quản lý phần vốn góp	Số phiếu hợp lệ	Số phiếu không hợp lệ	Số phiếu tán thành	Số phiếu không tán thành	Số phiếu không ý kiến
1	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Ông Nguyễn Minh Thọ	184.233.764	0	184.233.764	0	
		Ông Trần Anh Tú	110.540.259	0	110.540.259	0	
		Ông Phạm Quang Huy	73.693.506	0	73.693.506	0	
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Bà Nguyễn Ngọc Yến	7.500.000	0	7.500.000	0	
3	Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và XD Việt Nam	Ông Dương Văn Mậu	4.000.000	0	4.000.000	0	
Tổng cộng			379.967.529		379.967.529		
Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp			100%	0%	100%	0%	

VII. Nội dung đã thông qua:

1. Bầu các Thành viên dưới đây vào Ban Kiểm soát VIDIFI nhiệm kỳ 2023 - 2028 theo nội dung Tờ trình ĐHCĐ số 231214.01/TTr-HĐQT ngày 14/12/2023 của HĐQT Tổng Công ty, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Xuân Trường - Thành viên chuyên trách.
- Ông Nguyễn Quang Trung - Thành viên kiêm nhiệm.
- Ông Nguyễn Văn Minh Tuệ - Thành viên kiêm nhiệm.

Giao Ông Nguyễn Xuân Trường triệu tập các Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2023 - 2028 họp phiên đầu tiên để bầu Trưởng Ban Kiểm soát VIDIFI nhiệm kỳ 2023 - 2028 theo quy định.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

2. Các Kiểm soát viên được hưởng thù lao, tiền lương, thưởng theo quy định của Tổng Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

3. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIDIFI theo nội dung Tờ trình ĐHCĐ số 231214.02/TTr-HĐQT ngày 14/12/2023 của HĐQT Tổng Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

V. Bế mạc Đại hội:

- Ông Nguyễn Minh Thọ – Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty bế mạc Đại hội. Tổng Công ty sẽ tiếp thu các ý kiến đóng góp của các cổ đông.

- Cuộc họp kết thúc lúc 17h30 ngày 04/1/2024.

- Biên bản được tất cả các cổ đông tham dự nhất trí thông qua các nội dung nêu trên./.

THƯ KÝ

CHỦ TOẠ

Nguyễn Quang Trung

Nguyễn Minh Thọ

Số: 2401 . /NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc bầu Ban Kiểm soát VIDIFI nhiệm kỳ 2023 - 2028

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam (Tổng Công ty/VIDIFI);

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty bất thường năm 2024 số 2401 .01/BB-ĐHĐCĐ ngày /01/2024,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bầu các Thành viên dưới đây vào Ban Kiểm soát VIDIFI nhiệm kỳ 2023 - 2028 theo nội dung Tờ trình ĐHĐCĐ số 231214.01/TTr-HĐQT ngày 14/12/2023 của HĐQT Tổng Công ty, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Xuân Trường - Thành viên chuyên trách.
- Ông Nguyễn Quang Trung - Thành viên kiêm nhiệm.
- Ông Nguyễn Văn Minh Tuệ - Thành viên kiêm nhiệm.

Giao Ông Nguyễn Xuân Trường triệu tập các Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2023 - 2028 họp phiên đầu tiên để bầu Trưởng Ban Kiểm soát VIDIFI nhiệm kỳ 2023 - 2028 theo quy định.

Điều 2. Các Kiểm soát viên được hưởng thù lao, tiền lương, thưởng theo quy định của Tổng Công ty.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị, cá nhân có tên nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VP HĐQT, VT./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Minh Thọ

Số: 2401 /NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VIDIFI

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VIỆT NAM**

Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam (Tổng Công ty/VIDIFI);

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Xét đề nghị của HĐQT Tổng Công ty tại Tờ trình ĐHĐCĐ số 231214.02/TTr-HĐQT ngày 14/12/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VIDIFI;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty bất thường năm 2024 số 2401 .01/BB-ĐHĐCĐ ngày /01/2024,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Điều lệ Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam (theo Phụ lục các điều khoản sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam đính kèm).

Điều 2. HĐQT ban hành văn bản hợp nhất Điều lệ của Tổng Công ty và Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định nội bộ của Tổng Công ty cho phù hợp với các quy định được phê duyệt tại Điều 1 này và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VP HĐQT, VT./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Minh Thọ

PHỤ LỤC CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VIỆT NAM

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-DHĐCĐ ngày .../.../2023 của ĐHĐCĐ Tổng Công ty)

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 1 như sau:

"1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

- a) "**Tổng Công ty**" hoặc "**VIDIFI**" là Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam – Công ty Cổ phần;
- b) "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một Cổ phần của Tổng Công ty;
- c) "**Cổ đông sáng lập**" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Tổng Công ty.
- d) "**Cổ đông lớn**" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng Công ty.
- e) "**Đại hội đồng cổ đông hoặc ĐHĐCĐ**" là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.
- f) "**Hội đồng quản trị hoặc HĐQT**" là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- g) "**Địa bàn kinh doanh**" là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- h) "**Vốn điều lệ**" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
- i) "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan.
- j) "**Luật chứng khoán**" là Luật chứng khoán số 52/2019/QH14 và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan.
- k) "**Ngày thành lập**" là ngày Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu tiên.
- l) "**Pháp luật**" là pháp luật Việt Nam và các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam tham gia.
- m) "**Người quản lý Tổng Công ty**" bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác của Tổng Công ty theo quy định tại Điều lệ.

n) **“Cá nhân giữ chức danh quản lý khác”** bao gồm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tổng Công ty.

o) **“Người có liên quan”** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Tổng Công ty trong các trường hợp quy định trong khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.

p) **“Thời hạn”** là thời hạn hoạt động của Tổng Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này.

q) **“Cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng Công ty tại doanh nghiệp khác”** là số cổ phần hoặc mức vốn góp của Tổng Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

r) **“Quyền chi phối của Tổng Công ty”** là quyền của Tổng Công ty quyết định đối với điều lệ, nhân sự, các chức danh quản lý chủ chốt, hoặc quyết định về: tổ chức quản lý, thị trường, dịch vụ, chiến lược kinh doanh, định hướng đầu tư, định hướng lựa chọn công nghệ và các quyết định quan trọng khác của công ty con, công ty bị chi phối theo Điều lệ của công ty đó hoặc theo thoả thuận giữa Tổng Công ty với công ty đó.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 2 như sau:

2.1. Bãi bỏ Khoản 5.

2.2. Sửa đổi đánh số thứ tự các Khoản tại Điều 2 và sửa đổi bổ sung Khoản 4 Điều 2 thành Khoản 5 Điều 2 như sau:

“5. Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty:

- Địa chỉ: Tầng 8, 9, 10, Tòa nhà LILAMA 10 đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: 024. 37711668 Fax: 024. 37711669

- Website: <http://www.vidifi.vn/>”

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 3 như sau:

3.1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 như sau:

“2. Ngành, nghề kinh doanh hiện tại của Tổng Công ty là:

**Mã ngành, nghề
kinh doanh**

Tên ngành, nghề kinh doanh

4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán ô tô;
4541	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Mua bán xe máy;
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hoá bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh;

- 4610 Đại lý, môi giới, đầu giá
Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng, dầu, khí hoá lỏng;
- 7310 Quảng cáo
Chi tiết: Quảng cáo thương mại;
- 0899 Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- 2824 Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
Chi tiết: Sản xuất thiết bị vật tư, máy móc chuyên ngành xây dựng;
- 2399 Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng;
- 4690 Bán buôn tổng hợp
Chi tiết: - Mua bán sơn, gương, kính (kể cả khung nhà kính); - Mua bán đồ gỗ các loại: gỗ tròn, gỗ xẻ, ván lát sàn, gỗ dán, gỗ ép (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm); - Mua bán sắt thép, ống thép, kim loại màu; - Mua bán thiết bị điều hoà nhiệt độ, thiết bị vệ sinh, điều hoà không khí, lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, thiết bị vệ sinh; - Mua bán thiết bị dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát điện, vật liệu dẫn); - Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị cấp nước, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế; - Mua bán đồ uống, rượu, bia (không bao gồm kinh doanh quán Bar); - Mua bán thiết bị vật tư, máy móc chuyên ngành xây dựng;
- 6820 Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất
Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ tư vấn giá đất);
- 7110 Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
Chi tiết:
Lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư;
Khảo sát địa hình;
Khảo sát địa chất công trình
Thiết kế kiến trúc công trình;
Thiết kế cấp - thoát nước công trình;
Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông;
Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật
- 4390 Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông, cơ sở hạ tầng;

- Chuẩn bị mặt bằng
Chi tiết:
San lấp mặt bằng, xử lý nền móng công trình;
Làm sạch mặt bằng xây dựng;
- 4312 Vận chuyển đất: đào và ủi tại các mặt bằng xây dựng, đào móng, vận chuyển đá, nổ mìn...
Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự;
Hệ thống cấp thoát nước tại mặt bằng xây dựng
- 5221 (Chính) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ**
Chi tiết: Dịch vụ thu phí giao thông và các hoạt động liên quan đến thu phí giao thông;
- 6810 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- 8299 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: - Dịch vụ vận hành, khai thác các khu đô thị, công nghiệp, khu văn phòng, làm việc, khách sạn, nhà ở, nhà hàng, kiốt, trung tâm thương mại, siêu thị; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ uỷ thác đầu tư, uỷ thác xuất nhập khẩu;
- 6499 Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)
Chi tiết: Tư vấn tài chính
- 6209 Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
- 6202 Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính
- 6399 Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu
- 6311 Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
- Xây dựng công trình đường bộ.
Chi tiết:
- Các công việc bề mặt trên đường bộ, đường cao tốc, cầu như:
+ Thi công mặt đường: rải nhựa đường;
+ Sơn đường và các hoạt động sơn khác;
+ Lắp đặt rào chắn, biển báo giao thông và các loại tương tự;
- Xây dựng cầu, bao gồm cầu trên đường cao tốc
- Xây dựng công trình điện.
Chi tiết:
4221 + Xây dựng mạng lưới đường dây truyền tải, phân phối điện và các công trình, cấu trúc có liên quan (Đường dây, mạng lưới truyền tải điện, đường cáp điện ngầm và các công trình phụ trợ ở thành phố; Trạm biến áp)

- 4222 Xây dựng công trình cấp, thoát nước
- 4223 Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
Sửa chữa thiết bị điện.
Chi tiết:
- 3314 +Sửa chữa và bảo dưỡng mô-tơ điện, máy phát điện và bộ mô-tơ máy phát điện;
+Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện chiếu sáng
- 4311 Phá dỡ
Hoàn thiện công trình xây dựng.
Chi tiết:
- 4330 + Trát vữa bên trong và bên ngoài các công trình nhà và công trình xây dựng khác, bao gồm các nguyên liệu đánh bóng;
+ Sơn bên ngoài và bên trong công trình nhà,
+ Sơn các kết cấu công trình dân dụng
- 7490 Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Dịch vụ tư vấn đầu thầu
- 4329 Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Dây dẫn chống sét
Lắp đặt hệ thống điện.
Chi tiết:
- 4321 + Lắp đặt đèn chiếu sáng và các biển báo bằng điện trên đường giao thông;
+ Dây dẫn và thiết bị điện;
+ Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học;
+ Hệ thống chiếu sáng;
+ Chuông báo cháy;
+ Hệ thống báo động chống trộm
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí.
Chi tiết:
- 4322 + Hệ thống phun nước chữa cháy;
+ Thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh;
+ Thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hoà không khí
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
Chi tiết:
- 4520 + Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
+ Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác
- 4530 Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác khác.
Chi tiết:

+ Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

Hoạt động dịch vụ trồng trọt.

Chi tiết:

- 0161 + Xử lý cây trồng;
+ Cắt, xén, tía cây lâu năm;
+ Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ trồng trọt

Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp.

Chi tiết:

- 0240 + Hoạt động thuê khoán các công việc lâm nghiệp (đào hố, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch,...);

Khi cần thiết, ĐHCĐ xem xét và bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.”

3.2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 như sau:

“3. Tổng Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động đầu tư, kinh doanh không trái quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng Công ty.”

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 4 như sau:

4.1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản 1 như sau:

« 1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Tổng Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Tổng Công ty, phù hợp quy định của pháp luật. »

4.2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản 3 như sau:

« 3. Con dấu được sử dụng trong các giao dịch theo quy định của pháp luật”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

« Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ:

a) *Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là: 3.800.000.000.000 VNĐ (Ba nghìn tám trăm tỷ đồng), tương đương với 380.000.000 (Ba trăm tám mươi triệu) cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VNĐ/cổ phần.*

b) Giảm Vốn điều lệ:

Tổng Công ty có thể quyết định giảm Vốn điều lệ theo các trường hợp được quy định tại Khoản 5 Điều 112 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

c) *Tổng Công ty chỉ có thể tăng vốn điều lệ khi ĐHCĐ thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.*

2. Cổ phần:

Tất cả cổ phần của Tổng Công ty phát hành tính đến ngày thông qua điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Khoản 2 Điều 12, Điều 13 của Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty có thể phát hành thêm các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định pháp luật.

3. Danh sách Cổ đông sáng lập của Tổng Công ty:

Tại thời điểm thông qua bản Điều lệ này, Danh sách cổ đông sáng lập, tỷ lệ vốn góp và số cổ phần do các Cổ đông sáng lập sở hữu như sau:

STT	Tên các cổ đông sáng lập	Mức vốn góp hay giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ trong Tổng số vốn điều lệ (%)	Số lượng cổ phần phổ thông
01	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)	3.685.000.000.000	96,973	368.500.000
02	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (VCB)	75.000.000.000	1,974	7.500.000
03	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX)	40.000.000.000	1,053	4.000.000
Tổng số		3.800.000.000.000	100%	380.000.000

Thông tin của các cổ đông sáng lập :

3.1. NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (VDB)

Quyết định thành lập số 108/2006/QĐ-TTg ngày 19/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 25A Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

3.2. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (VCB)

Mã số doanh nghiệp: 0100112437.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 198, Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

3.3. TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (VINACONEX)

Mã số doanh nghiệp: 0100105616.

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà VINACONEX, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Những người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản và phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật.”

6. Sửa đổi, bổ sung một số Khoản Điều 6 như sau:

6.1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 như sau:

“2. Cổ phiếu của Tổng Công ty phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.”

6.2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 như sau:

“5. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành thì quyền lợi và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty phụ trách việc phát hành cổ phiếu sẽ chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra. »

6.3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 6 như sau:

“6. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới”.

7. Sửa đổi Điều 7 như sau:

« Điều 7. Chào bán trái phiếu

Tổng Công ty có quyền chào bán trái phiếu riêng lẻ và chào bán trái phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật.

DHDCĐ quyết định chào bán trái phiếu riêng lẻ và chào bán trái phiếu ra công chúng. »

8. Sửa đổi Điều 8 như sau:

« Điều 8. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của Tổng Công ty có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác (có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam) và phải được thanh toán đủ một lần. »

9. Sửa đổi bổ sung một số khoản Điều 9 như sau:

9.1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 như sau:

«1. Chào bán cổ phần là việc Tổng Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ. Cổ phần phổ thông mới được phát hành thêm sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng Công ty. Tùy thuộc điều kiện thực tế, Tổng Công ty thực hiện việc chào bán cổ phần của Tổng Công ty phù hợp với hình thức do Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan khác quy định. »

9.2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 như sau:

«2. Việc chào bán cổ phần riêng lẻ của Tổng Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 125 Luật Doanh nghiệp. »

9.3.Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 như sau:

« 4. Bán cổ phần:

HDQT quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp sau đây:

- i) Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;*
- ii) Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở Tổng Công ty;*
- iii) Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;*
- iv) Cổ phần được bán cho các đối tác chiến lược của Tổng Công ty phải được sự cho phép của ĐHCĐ;*
- v) Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Nghị quyết ĐHCĐ quy định. »*

9.4.Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 như sau:

« 5. Chuyển nhượng cổ phần:

a) Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ những trường hợp hạn chế chuyển nhượng cổ phần theo Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ. Trường hợp Điều lệ Tổng Công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

b) Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch thông qua thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

c) HDQT có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần nào chưa được thanh toán đầy đủ.

d) Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Tổng Công ty.

e) Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế hoặc người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

f) Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Tổng Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Tổng công ty.

g) Tổng Công ty phải thực hiện thay đổi thông tin cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu và hồ sơ, tài liệu về việc chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, sử dụng cổ phần để trả nợ.

h) Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này chỉ trở thành cổ đông Tổng công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

« Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông :

Tổng Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Tổng công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Tổng công ty trong sổ đăng ký cổ đông .

4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Tổng Công ty để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. Tổng Công ty không chịu trách

nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

5. Tổng Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau :

« Điều 11. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông:

a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng Công ty trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

b) Tổng Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Tổng Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng Công ty :

Tổng Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

a) HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã được chào bán trong 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;

b) HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm (c) Khoản này.

c) Tổng Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Tổng Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

- Quyết định mua lại cổ phần của Tổng Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Tổng Công ty.

- Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Tổng Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Tổng Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

a) Tổng Công ty chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Tổng Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được coi là cổ phần chưa bán (là cổ phần được quyền chào bán nhưng chưa được thanh toán). Tổng Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Tổng Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

c) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu.

d) Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Tổng Công ty giảm hơn 10% thì Tổng Công ty phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại. »

12. Chuyển Điều 13 Chương III lên Chương II thành Điều 12: Cổ đông và quyền của cổ đông Tổng Công ty và sửa đổi bổ sung một số Khoản Điều này như sau:

12.1. Sửa đổi Khoản 1 như sau:

“1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng Công ty. »

12.2. Sửa đổi bổ sung khoản 3 như sau:

“ 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền sau đây:

a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT, Đại hội đồng cổ đông và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

b) Yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông trong các trường hợp nêu tại khoản 5 Điều này;

c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Quyền khác được quy định tại Điều lệ này và pháp luật”.

12.3. Bổ sung thêm Khoản 4 vào sau Khoản 3 Điều 13:

“4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, Ban kiểm soát theo quy định Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp”

12.4. Sửa đổi bổ sung đoạn cuối khoản 4 thành đoạn cuối khoản 5 như sau:

« 5.....

Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. »

12.5. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c, điểm e khoản 5 thành điểm b, điểm c, điểm e khoản 6 như sau:

“b) Cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa 01 người đại diện.

c) Cổ đông là tổ chức sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.

...

e) Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Tổng Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Tổng Công ty kể từ ngày Tổng Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- i. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
- ii. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
- iii. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;
- iv. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
- v. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.”

12.6. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 thành điểm c khoản 7 như sau:

“c. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các trách nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.”

13. Chuyển Điều 14 Chương III thành Điều 13 Chương II và bổ sung thêm điểm d vào sau điểm c Khoản 1 Điều 14:

“d. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;”.

14. Sửa đổi tên Chương 3 thành “Chương 3: Cơ cấu tổ chức, quản lý”

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 thành Điều 14 như sau:

“Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản lý của Tổng Công ty

1. Cơ cấu tổ chức, quản lý của Tổng Công ty bao gồm:

- a) ĐHDCD;
- b) HĐQT;
- c) Tổng Giám đốc;
- d) Ban Kiểm soát.

2. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Người đại diện theo pháp luật đại diện cho Tổng Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng Công ty; đại diện cho Tổng Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Điều lệ và/hoặc quy chế nội bộ của Tổng Công ty và quy định khác của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty có các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác.

4. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại Khoản 3 Điều này”

16. Sửa đổi tên Mục 1 thành như sau: “Mục 1 Đại hội đồng cổ đông”.

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Xem xét và thông qua báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động quản lý và kinh doanh của Tổng Công ty;

b) Xem xét và thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát gồm Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty, Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, của Tổng Giám đốc Tổng Công ty;

c) Xem xét và thông qua Báo cáo tài chính hàng năm; quyết định mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty;

d) Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty;

e) Thông qua kế hoạch phát triển kinh doanh dài hạn (05 năm) của Tổng Công ty;

f) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

g) Quyết định số lượng thành viên của HĐQT và Ban Kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát;

- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT và Ban Kiểm soát; Quyết định Quỹ lương hàng năm của VIDIFI;
- j) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty;
- k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;
- l) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- m) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động HĐQT, Ban kiểm soát;
- n) Phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán độc lập; quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- o) Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và các cổ đông của Tổng Công ty;
- p) Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp của VIDIFI đầu tư vào doanh nghiệp khác mà phần vốn góp ban đầu hoặc góp thêm hoặc phần giảm vốn có giá trị từ 500 tỷ đồng trở lên;
- q) Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, quyết toán dự án đầu tư, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án do Tổng Công ty làm chủ đầu tư có tổng mức đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên;
- r) Quyết định góp vốn đầu tư, chuyển nhượng phần vốn góp của VIDIFI có giá trị từ 500 tỷ đồng trở lên đối với dự án mà Tổng Công ty không làm chủ đầu tư;
- s) Quyết định đầu tư, hợp tác đầu tư các dự án khu công nghiệp, khu đô thị VIDIFI được giao theo quyết định 1621/QĐ-TTg mà dự án đầu tư hoặc việc hợp tác đầu tư có giá trị đầu tư hoặc vốn góp của VIDIFI từ 500 tỷ đồng trở lên;
- t) Quyết định kế hoạch quản lý, vận hành, bảo trì hàng năm của đường ô tô cao tốc Hà Nội – Hải Phòng và Quốc lộ 5;
- u) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản, các giao dịch, hợp đồng và các vấn đề khác có giá trị từ 500 tỷ đồng trở lên;
- x) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch giữa Tổng Công ty với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp có giá trị từ 500 tỷ đồng trở lên và chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó. Người đại diện Tổng Công ty ký hợp đồng phải thông báo HĐQT và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ

yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Điều lệ này;

y) Quyết định các vấn đề khác theo quy định tại Điều lệ này hoặc theo quy định của pháp luật.

2. ĐHĐCĐ có thể quyết định giao, phân cấp hoặc/và ủy quyền cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc thực hiện một số công việc trong phạm vi quyền hạn đã được quy định tại Khoản 1 Điều này. »

18. Sửa đổi bổ sung Điều 16 như sau:

”Điều 16. Cuộc họp ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Trong cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng Công ty và kết quả hoạt động của HĐQT, từng thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc;
- d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên;
- g) Quyết định nguồn ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng hoặc lợi ích khác của HĐQT và Ban Kiểm soát; Quyết định Quỹ lương hằng năm của VIDIFI;
- h) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền (nếu có).

3. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp sau đây:

- a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;
- b) Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và phù hợp với quy định của Điều lệ này;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d hoặc các trường hợp khác quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này.

Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì các thành viên HĐQT phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.

5. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ này.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.

6. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền đại diện Tổng Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ này và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này sẽ được Tổng Công ty hoàn lại.

9. Một cuộc họp của ĐHĐCĐ có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa cổ đông mà tất cả hoặc một số cổ đông đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng cổ đông khác cùng tham gia thảo luận trong cuộc họp;
- b) Có thể phát biểu với tất cả cổ đông tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa cổ đông có thể thực hiện qua điện thoại trực tuyến, truyền hình trực tiếp hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác. Mỗi cổ đông tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm tổ chức cuộc họp do Tổng Công ty tổ chức.

Việc lựa chọn hình thức họp nêu trên và địa điểm tổ chức cuộc họp sẽ do Người triệu tập cuộc họp quyết định.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp như trên sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng sẽ phải được xác nhận bằng các chữ ký của các cổ đông trong phiếu biểu quyết."

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

"Điều 17. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ, chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ, mời họp ĐHĐCĐ

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Người quản lý Tổng Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định do HĐQT ban hành.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp

Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;

6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

7. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

8. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b) Phiếu biểu quyết;

9. Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp theo Khoản 8 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.”

20. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 18 như sau:

20.1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

”1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ theo một trong các hình thức sau đây:

- a) Trực tiếp tham dự họp ĐHĐCĐ;
- b) Ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này.”

20.2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

”2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc bằng phương tiện khác.”

20.3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

”3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.”

20.4. Bãi bỏ khoản 4, Khoản 5.

20.5. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

”7. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tham dự.”

20.6. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

”8. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 7 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn là 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.”

20.6. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

”9. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn là 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp của ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.”

21. Sửa đổi tên Điều 19 và sửa đổi bổ sung nội dung Điều 19 như sau:

”Điều 19. Thủ tục tiến hành họp, biểu quyết tại cuộc họp của ĐHĐCĐ, biên bản họp ĐHĐCĐ

Thủ tục họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCĐ. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp phiếu biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;

2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định như sau:

a) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban Kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 8 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác.

Biên bản bằng văn bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

11. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

12. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

13. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

14. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.”

22. Sửa đổi tên Điều 20 và sửa đổi bổ sung nội dung Điều 20 như sau:

”Điều 20. Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ, thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ, yêu cầu huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ và hiệu lực các nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Điều kiện để nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

a) Nghị quyết về các nội dung: loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng Công ty; sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Tổng Công ty; tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty; các quy định tại các Điểm q, r, s và x Khoản 1 Điều 15; bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty thì phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

b) Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này.

c) Các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua. Tổng Công ty có thể đăng tải Nghị quyết lên trang thông tin điện tử thay cho việc gửi nghị quyết trực tiếp đến cổ đông.

3. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ theo quy định cụ thể tại Điều 149 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

4. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết ĐHĐCĐ:

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

5. Hiệu lực của nghị quyết ĐHĐCĐ:

a) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

b) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

c) Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. ”

23. Sửa đổi bổ sung một số khoản Điều 21 như sau:

23.1. Sửa đổi bổ sung Khoản 1 như sau:

”1. Số lượng thành viên HĐQT của Tổng Công ty từ 03 (ba) đến tối đa 05 (năm) người, theo quyết định của ĐHĐCĐ. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm Phó Tổng Giám đốc.”

23.2. Sửa đổi bổ sung Khoản 5 như sau:

”5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

Theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của HĐQT. ”

24. Sửa đổi bổ sung một số khoản Điều 22 như sau:

24.1. Bãi bỏ Khoản 1.

24.2. Sửa đổi bổ sung Khoản 2 thành Khoản 1 như sau:

” 1. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế của Tổng Công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Điều lệ này quy định HĐQT có những quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty trên cơ sở định hướng và kế hoạch phát triển kinh doanh dài hạn của Tổng Công ty được ĐHĐCĐ thông qua;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

c) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi của Tổng Công ty; Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước; Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;

d) Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án do Tổng Công ty làm chủ đầu tư có tổng mức đầu tư từ 50 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng;

e) Quyết định góp vốn đầu tư, chuyển nhượng phần vốn góp của VIDIFI có giá trị từ 50 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng đối với dự án mà Tổng Công ty không làm chủ đầu tư;

f) Quyết định đầu tư, hợp tác đầu tư các dự án khu công nghiệp, khu đô thị VIDIFI được giao theo quyết định 1621/QĐ-TTg mà dự án đầu tư hoặc việc hợp tác đầu tư có giá trị đầu tư hoặc phần vốn góp của VIDIFI có giá trị từ 50 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng;

g) Quyết định các hợp đồng, giao dịch, vấn đề khác có giá trị từ 50 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng;

h) Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm, chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn của VIDIFI đầu tư vào doanh nghiệp khác mà phần vốn góp ban đầu hoặc góp thêm hoặc phần giảm vốn có giá trị từ 50 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng.

i) Thông qua nội dung các hợp đồng, giao dịch đã được ĐHĐCĐ quyết định, thông qua chủ trương.

j) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch giữa Tổng Công ty với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 500 tỷ đồng. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao

dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

k) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

l) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc và những cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo đề nghị của Tổng Giám đốc. Việc bãi nhiệm Tổng giám đốc thực hiện theo Khoản 4 Điều 28 Điều lệ này. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Điều hành kinh doanh hàng ngày;

m) Quyết định thành lập, cơ cấu tổ chức bộ máy các Ban nghiệp vụ của Tổng Công ty; Quyết định ban hành Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty; Ban hành quy chế, quyết định phân công nhiệm vụ quyền hạn, trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong trường hợp Tổng Công ty có nhiều người đại diện theo pháp luật; Quyết định thành lập, cơ cấu lại, giải thể, phá sản công ty con, công ty khác; Quyết định thành lập, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công ty; Quyết định thành lập các ban quản lý dự án, ban điều hành dự án của các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của ĐHĐCĐ, HĐQT; Quyết định việc cử, thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm, người đại diện trong trường hợp phần vốn đầu tư của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác có giá trị từ 50 tỷ đồng trở lên (bao gồm cả việc cử uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác), quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

n) Duyệt chương trình và nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;

o) Trình kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; phương thức chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty hoặc yêu cầu phá sản Tổng Công ty;

r) Thực hiện các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty khi cán bộ quản lý vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ mà xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty

s) Quyết định việc cập nhật phương án tài chính dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội – Hải Phòng;

t) Quyết định việc ký kết, sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung hợp đồng BOT dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội – Hải Phòng;

u) Đảm bảo tính minh bạch của hệ thống báo cáo tài chính và kế toán của Tổng Công ty, và đảm bảo các hệ thống kiểm soát phù hợp được thiết lập.

v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.”

24.2. Sửa đổi bổ sung Khoản 3 thành Khoản 2 như sau:

”2. Đối với các nội dung quy định tại điểm d, e, f, g, h Khoản 1 Điều 22 của Điều lệ này, trong trường hợp cần thiết, HĐQT có thể quyết định trình các vấn đề này lên ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.”

24.3. Sửa đổi bổ sung Khoản 5 thành Khoản 4 như sau:

”4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ Tổng Công ty gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông của Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên. ”

24.4. Sửa đổi bổ sung Khoản 8 thành Khoản 7 như sau:

”7. Các thành viên HĐQT nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào của Tổng Công ty, của Công ty con, Công ty khác hoặc thực hiện những công việc khác nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ của thành viên HĐQT có thể được trả thêm một khoản tiền lương hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.”

24.5. Sửa đổi bổ sung Khoản 10 thành Khoản 9 như sau:

”9. HĐQT có thể ủy quyền, giao cho Chủ tịch HĐQT (ngoài các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT nêu tại khoản 2, Điều 23 Điều lệ này), các tiểu ban HĐQT, Tổng Giám đốc thực hiện một số công việc trong phạm vi, quyền hạn của HĐQT. Trong phạm vi được ủy quyền, phân công, Chủ tịch HĐQT, các tiểu ban HĐQT, Tổng Giám đốc trực tiếp ra các quyết định và chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về quyết định của mình.”

25. Sửa đổi bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Chủ tịch HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Giám đốc (Trưởng) các Phòng, Ban nghiệp vụ thuộc Tổng Công ty, các ban quản lý dự án, ban điều hành dự án của các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của ĐHĐCĐ,

HDQT, Giám đốc Chi nhánh của Tổng Công ty, Trưởng đại diện Văn phòng đại diện của Tổng Công ty hoặc tương đương trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.

b) Được quyền yêu cầu Tổng Giám đốc hoặc trực tiếp huy động cán bộ có thời hạn, thành lập các tổ, nhóm công tác, bộ phận nghiệp vụ trực thuộc HDQT để giúp việc, triển khai các công việc thuộc thẩm quyền của HDQT.

c) Trong trường hợp không kịp triệu tập HDQT, căn cứ tình hình thực tiễn, Chủ tịch HDQT có văn bản chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện các công việc và chịu trách nhiệm về nội dung đã chỉ đạo, báo cáo với HDQT trong phiên họp gần nhất. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện các chỉ đạo của Chủ tịch HDQT.

d) Chủ tịch tịch HDQT bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Chánh văn phòng/Phó chánh văn phòng HDQT, Trợ lý Chủ tịch HDQT, Thư ký HDQT hoặc tương đương và được thuê chuyên gia, cố vấn... để phục vụ cho công việc của HDQT và Chủ tịch HDQT.

e) Kiểm tra, giám sát và đôn đốc các Cán bộ quản lý trong việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HDQT; đôn đốc, nhắc nhở, yêu cầu Tổng Giám đốc triển khai nếu thấy các hoạt động của Tổng Công ty có dấu hiệu bị cản trở, chậm trễ, không đảm bảo tiến độ, không đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

f) Được quyền yêu cầu các ban, đơn vị chức năng trực thuộc Tổng Công ty (bao gồm Ban Tổng Giám đốc) báo cáo, cung cấp các thông tin về hoạt động kinh doanh và quản lý của Tổng Công ty hoặc thực hiện các công việc cần thiết phục vụ cho công việc của HDQT và Chủ tịch HDQT.

g) Được quyết định các khoản chi tiêu cần thiết để phục vụ công việc của HDQT, các công việc của Chủ tịch HDQT (bao gồm các công việc được HDQT ủy quyền theo quy định tại Điều lệ này và các quy định nội bộ có liên quan của Tổng Công ty) và các công việc khác của Tổng Công ty phù hợp với kế hoạch chi hàng năm của HDQT đã được ĐHĐCĐ thông qua. Chế độ chi tiêu cụ thể thực hiện theo quy định nội bộ của Tổng Công ty.

h) Được sử dụng con dấu của Tổng Công ty theo quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Tổng Công ty đối với các văn bản do HDQT và Chủ tịch HDQT ban hành.

i) Thay mặt HDQT làm việc, tiếp xúc với các đối tác, các cơ quan, ban, ngành, tổ chức, cá nhân ngoài Tổng Công ty phục vụ cho các hoạt động của Tổng Công ty trong phạm vi thẩm quyền của HDQT để chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai các công việc liên quan

j) Lập bản phân công nhiệm vụ cho các thành viên HDQT để HDQT quyết định; trực tiếp kiểm tra, giám sát việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các thành viên HDQT theo Quy chế hoạt động của HDQT.

k) Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công việc của các tiểu ban, bộ phận trực thuộc HĐQT.

l) Quyết định các công việc khác thuộc thẩm quyền của HĐQT theo sự ủy quyền của HĐQT vào từng thời điểm.

m) Tổ chức việc thông qua Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT và làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ theo các quy định của Điều lệ này.

n) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và các Điều Khoản khác của Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này và Quy chế hoạt động của HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

4. Khi Chủ tịch HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm vì bất cứ lý do nào thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày. Trong trường hợp việc bãi nhiệm, miễn nhiệm này làm cho số lượng thành viên HĐQT giảm còn lại ít hơn 3 thành viên, thì việc bầu bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này. HĐQT triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT sau đó HĐQT sẽ bầu ra Chủ tịch.

5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm thư ký HĐQT hoặc tương đương.

Thư ký HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng Công ty;

d) Hỗ trợ HĐQT trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e) Hỗ trợ HĐQT trong việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ này và văn bản quản lý nội bộ của Tổng Công ty có liên quan.”

26. Sửa đổi tên Điều và sửa đồng bổ sung nội dung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp:

a) Thành viên HĐQT không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Vi phạm pháp luật dẫn đến bị khởi tố hình sự;

c) Vi phạm pháp luật gây thiệt hại lớn cho Tổng Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm, quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm còn lại ít hơn 3 thành viên;

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

”

27. Sửa đổi Bổ sung Điều 25 như sau:

“Điều 25. Cuộc họp HĐQT, Biên bản họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao

nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 5 (năm) Người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên HĐQT;

d) Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, bưu điện, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Tổng Công ty.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT.

Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc không phải là thành viên HĐQT có quyền dự các cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Theo yêu cầu của thành viên HĐQT, Thư ký HĐQT, cá nhân giữ chức danh quản lý khác hoặc các chuyên gia có thể tham dự cuộc họp HĐQT nhưng không được

thảo luận, phát biểu ý kiến (trừ khi được Chủ tịch HĐQT yêu cầu phát biểu ý kiến); những người này không được biểu quyết.

7. Cuộc họp HĐQT theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 6 Điều 24 Điều lệ này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Khoản 13 Điều này;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện tương tự khác.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT. Trên cơ sở nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể ban hành thông báo kết quả cuộc họp để thông báo toàn bộ hoặc một số nội dung quyết định của HĐQT để chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện quyết định của HĐQT. 11. Các cuộc họp của HĐQT phải ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;

- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp HĐQT. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định Điều lệ Tổng công ty và pháp luật có liên quan.

12. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Tổng Công ty. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

13. Một cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác giữa các thành viên của HĐQT mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu thảo luận trong cuộc họp;
- b) Có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện qua điện thoại trực tuyến, truyền hình trực tiếp hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác. Mỗi thành viên HĐQT tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập cuộc họp quyết định việc lựa chọn hình thức họp và địa điểm tổ chức họp.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp như trên sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng sẽ phải được xác nhận bằng các chữ ký của mọi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này trong phiếu biểu quyết hoặc/và tại biên bản họp.

14. Trường hợp cần thiết, HĐQT thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản như sau:

a) Trong trường hợp này, Chủ tịch HĐQT sẽ gửi văn bản lấy ý kiến (kèm theo mẫu Phiếu biểu quyết và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung cần lấy ý kiến) đến tất cả các thành viên HĐQT.

b) Phiếu biểu quyết phải có chữ ký của Thành viên HĐQT và các tài liệu liên quan khác (nếu có) phải được Thành viên HĐQT đựng trong phong bì dán kín để gửi về Văn phòng HĐQT của Tổng Công ty và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

c) Thư ký HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của một thành viên Ban Kiểm soát hoặc của một người quản lý của Tổng Công ty.

d) Quyết định của HĐQT được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

e) Quyết định của HĐQT được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực như quyết định được HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. ”

28. Sửa đổi tiêu đề Mục 3 Chương II thành “Mục 3: TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁ NHÂN GIỮ CHỨC DANH QUẢN LÝ KHÁC”

29. Sửa đổi tiêu đề Điều và sửa đổi Bổ sung Điều 27 như sau:

“Điều 27: Tổng Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác

1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nhiệm vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tổng công ty, Kiểm soát viên của Tổng công ty; của người đại diện phân vốn Nhà nước, người đại diện phân vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng công ty.

5. Ngoài chức danh Tổng Giám đốc, Tổng Công ty có các chức danh quản lý khác được quy định tại Khoản 1 Điều 1 Điều lệ này gồm các Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm.

Trong thời gian chưa bổ nhiệm được Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm và giao nhiệm vụ cho Quyền Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc phụ trách để thực hiện nhiệm vụ là đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty và thực hiện thẩm quyền, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc.

6. Các nhân giữ chức danh quản lý khác quy định tại Khoản 1 Điều 1 Điều lệ này phải có phẩm chất và năng lực cần thiết để quản lý, điều hành Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

7. Tổng Giám đốc và Cá nhân giữ chức danh quản lý khác được trả lương, tiền thưởng và lợi ích khác (nếu có). Tiền lương của Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định. Tiền lương của Cá nhân giữ chức danh quản lý khác sẽ do HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.

8. Tiền lương của Tổng Giám đốc và các Cá nhân giữ chức danh quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên."

30. Sửa đổi tiêu đề Điều và sửa đổi bổ sung một số khoản Điều 28 như sau:

30.1. Sửa đổi tiêu đề Điều như sau: "Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc"

30.2. Sửa đổi bổ sung Khoản 1 như sau:

"1. Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc hàng ngày của Tổng Công ty mà theo quy định của Điều lệ thì công việc đó không thuộc thẩm quyền của HĐQT; ĐHCĐ;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ và HĐQT; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư và các kế hoạch khác của Tổng Công ty đã được HĐQT và ĐHCĐ thông qua; Quyết định các vấn đề theo ủy quyền, giao, phân cấp của HĐQT.

c) Đề nghị HĐQT về cơ cấu tổ chức để thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, công ty khác chi nhánh, văn phòng đại diện thuộc Tổng Công ty, các Ban

ng nghiệp vụ của Tổng Công ty và các ban quản lý dự án, ban điều hành dự án của các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của ĐHĐCĐ, HĐQT;

d) Triển khai thực hiện các thỏa thuận, hợp đồng, giao dịch phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, các hoạt động khác của Tổng Công ty phù hợp với quy định của Điều lệ này.

e) Đề nghị HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương, thưởng của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tổng Công ty; Đề nghị Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với các chức danh quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này; Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh khác không thuộc thẩm quyền của HĐQT và Chủ tịch HĐQT.

f) Quyết định cơ cấu tổ chức của Ban quản lý dự án, Ban điều hành dự án thuộc thẩm quyền thành lập của HĐQT; Quyết định thành lập, cơ cấu tổ chức của các ban quản lý dự án, ban điều hành dự án của các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Tổng Giám đốc; Quyết định thành lập cấp Phòng thuộc các Ban nghiệp vụ của Tổng Công ty, các Phòng thuộc quản lý trực tiếp của Tổng Giám đốc Tổng Công ty, các Tổ công tác, các Ban chỉ huy/chỉ đạo để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể.

g) Tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng lao động, quyết định lương và phụ cấp (nếu có), quyết định mức lương, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ hoặc cho thôi việc và các chính sách, chế độ khác đối với người lao động trong Tổng Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và việc phân cấp thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và các văn bản quản lý nội bộ;

h) Xây dựng các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty quy định tại điểm m khoản 1 Điều 22 trình HĐQT ban hành; Xây dựng kế hoạch chi tiêu, sử dụng nhân sự và tiền lương hàng năm báo cáo HĐQT trình ĐHĐCĐ phê duyệt.

i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty;

j) Tổ chức thực hiện các thủ tục cần thiết để trình HĐQT quyết định đầu tư, kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT;

k) Quyết định đầu tư, tổ chức triển khai, quyết toán dự án đầu tư, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án do Tổng Công ty làm chủ đầu tư có Tổng mức đầu tư nhỏ hơn 50 tỷ đồng;

l) Quyết định góp vốn đầu tư, tổ chức quản lý, giám sát phần vốn góp, chuyển nhượng phần vốn góp của VIDIFI có giá trị nhỏ hơn 50 tỷ đồng đối với dự án mà Tổng Công ty không làm chủ đầu tư; Quyết định việc cử, thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm, người đại diện trong trường hợp phần vốn đầu tư của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác có giá trị dưới 50 tỷ đồng hoặc trường hợp được Hội đồng quản trị ủy quyền;

- m) Quyết định các giao dịch, hợp đồng và vấn đề khác có giá trị nhỏ hơn 50 tỷ đồng.
- n) Thông qua nội dung và ký kết các hợp đồng, giao dịch đã được HĐQT quyết định hoặc/và phê duyệt chủ trương.
- o) Xây dựng chiến lược phát triển và kế hoạch phát triển, các dự án, phương án đầu tư, kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và các kế hoạch khác có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, xây dựng các kế hoạch bổ sung (nếu có) để báo cáo HĐQT trình lên ĐHĐCĐ thông qua;
- p) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT để HĐQT xem xét, trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính dài hạn.
- q) Có quyền từ chối thực hiện những nghị quyết, quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban Kiểm soát;
- r) Được quyền ra các quyết định vượt quá thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng, v.v..., đồng thời có trách nhiệm báo cáo ngay cho HĐQT về những quyết định vượt quá thẩm quyền đó;
- s) Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT giao hoặc phân cấp, ủy quyền thông qua các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- t) Quyết định, ký kết và thực hiện tất cả các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hợp đồng vay vốn;
- u) Quyết định xây dựng quy trình, quy định và các văn bản quản lý khác trừ những văn bản thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- v) Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

30.3. Sửa đổi bổ sung Khoản 2 như sau:

“2. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng Công ty và nghị quyết, quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty.”

31. Sửa đổi bổ sung Điều 29 như sau:

“Điều 29. Trách nhiệm chung của người quản lý Tổng Công ty

Người quản lý Tổng Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, các quy chế, quy định của Tổng Công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng Công ty về nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp;

e) Trách nhiệm khác theo quy định Luật doanh nghiệp và Điều lệ.”

32. Sửa đổi bổ sung Khoản 1 Điều 30 như sau:

“1. Tổng Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Tổng Công ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với Tổng Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có nghĩa vụ kê khai các lợi ích liên quan của họ với Tổng Công ty theo Điều 164 của Luật Doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng Công ty.”

33. Sửa đổi bổ sung một số khoản Điều 31 như sau:

33.1. Sửa đổi bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Trách nhiệm:

Người quản lý Tổng Công ty phải hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Nếu vi phạm các quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ này hoặc làm trái quy tắc hoặc quy chế, quy định của Tổng Công ty sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại, đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận về những vi phạm của mình gây ra.”

33.2. Sửa đổi bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Những đối tượng không thuộc nội dung nêu tại điểm a, khoản 3 của Điều này phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Tổng Công ty và bên thứ ba theo quy định của pháp luật.”

34. Sửa đổi điều và sửa đổi bổ sung nội dung Điều 32 như sau

“Điều 32. Cơ cấu, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của Tổng Công ty có từ 03 đến 05 Kiểm soát viên do ĐHĐCĐ bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát:

a) Giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Tổng Công ty của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên; Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;

d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty.

đ) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Tổng Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này;

e) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại Điều này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;

f) Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;

g) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp, phải thông

báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

h) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty;

i) Xem xét báo cáo của Tổng Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận;

j) Sử dụng tư vấn độc lập sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, sử dụng bộ phận kiểm toán nội bộ (nếu có) để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

k) Ban Kiểm soát tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

l) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Tổng Công ty.

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

3. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát:

a) Tài liệu, thông tin phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:

- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo;

- Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;

- Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Tổng Công ty phát hành;

a) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công ty trong giờ làm việc;

c) HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, cá nhân giữ chức danh quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:

4.1 Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.

4.2 Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

4.3 Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người đại diện phần vốn tại Tổng Công ty và Người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng Công ty; Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Kiểm soát;

b) Yêu cầu cung cấp các thông tin liên quan đến báo cáo của Ban Kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ. Báo cáo của Ban Kiểm soát phải được thông qua các thành viên trong Ban Kiểm soát trước khi trình ĐHĐCĐ.

d) Quyền và nghĩa vụ khác theo pháp luật và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

6. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng theo công việc và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. Tổng mức lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

7. Sau khi đã báo cáo ĐHĐCĐ, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn 2 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 2/3 tổng số thành viên Ban Kiểm soát.

8. Nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty và cổ đông của Tổng Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông của Tổng Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; d) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;

đ) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các mục a, b, c của khoản này mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại mục c khoản này đều thuộc sở hữu của Tổng Công ty;

e) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

9. Thành viên Ban Kiểm soát bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm trong trường hợp sau đây:

9.1. Các trường hợp miễn nhiệm:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 4 Điều 32 Điều lệ này;

b) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

9.2. Các trường hợp bãi nhiệm:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

d) Trường hợp khác theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

10. Trường hợp Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình, có nguy cơ gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì HĐQT triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ trong thời gian sớm nhất để xem xét và bãi nhiệm Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát mới thay thế.”

35. Sửa đổi bổ sung Điều 33 như sau:

“Điều 33. Đề cử và bầu thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát

1. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định tại Khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này để đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc

cuộc họp ĐHĐCĐ. Tổng Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông dự họp về thông tin trên khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

2. Đề cử, ứng cử vào HĐQT và Ban Kiểm soát:

Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên HĐQT và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.”

36. Sửa đổi bổ sung Điều 34 như sau:

“Điều 34. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông đều có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền (có văn bản ủy quyền gốc), gửi một văn bản yêu cầu được xem trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng Công ty các tài liệu sau: danh sách các cổ đông, báo cáo tài chính, các biên bản, nghị quyết họp HĐQT, Biên bản họp, Nghị quyết, quyết định Đại hội cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu đó.

2. Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cá nhân giữ chức danh quản lý khác có quyền xem sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, danh sách cổ đông, những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật theo quy định của Tổng Công ty.

3. Tổng Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quy chế, tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.”

37. Bổ sung thêm nội dung xử lý lỗ trong kinh doanh vào tiêu đề Chương 6: “Chương 6: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH”

38. Sửa đổi bổ sung Điều 36 như sau:

“Điều 36. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận, lập các quỹ và trả cổ tức, xử lý lỗ trong kinh doanh
Phân chia lợi nhuận

1. Lợi nhuận của Tổng Công ty được phân chia phù hợp các quy định của Tổng Công ty và pháp luật có liên quan. Công ty chỉ được tiến hành phân chia lợi nhuận,

lập các quỹ và trả cổ tức cho các cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả.

2. Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm, HĐQT đề xuất và ĐHĐCĐ xem xét, quyết định trích lập các quỹ. Việc trích lập các quỹ phù hợp quy định của pháp luật.

3. Trường hợp kinh doanh thua lỗ, ĐHĐCĐ có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự phòng để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp khắc phục.
- Theo Quyết định của ĐHĐCĐ.”

39. Sửa đổi bổ sung một số Khoản Điều 37 như sau:

39.1. Sửa đổi bổ sung Khoản 1 như sau:

“1. Theo quyết định của ĐHĐCĐ và phù hợp với quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Tổng Công ty.

Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Tổng Công ty.

Tổng Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi Tổng Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; Ngay sau khi trả hết cổ tức, Tổng Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn và nghĩa vụ tài sản khác.”

39.2. Sửa đổi bổ sung Khoản 3 như sau:

“3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần phát hành thêm của Tổng Công ty, bằng séc, chuyển khoản hoặc bằng hình thức khác trên cơ sở đề nghị của HĐQT Tổng Công ty và được ĐHĐCĐ thông qua. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Tổng Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Tổng Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Tổng Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

Chi phí và các khoản phí tổn phát sinh trong việc gửi séc hoặc chuyển tiền sẽ do Cổ đông chịu và sẽ được Tổng Công ty trừ lại từ cổ tức của Cổ đông. Cổ đông sẽ chịu trách nhiệm trả thuế thu nhập từ cổ tức.”

39.3. Sửa đổi bổ sung Khoản 4 như sau:

“4. HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Tổng công ty và địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.”

39.4. Sửa đổi bổ sung Khoản 5 như sau:

“5. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khóa sổ) làm ngày chốt danh sách cổ đông của Tổng Công ty để phục vụ cho việc tính toán và chi trả cổ tức. Theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Quyết định chốt danh sách cổ đông kèm theo danh sách cổ đông trên sẽ được thông báo tới các cổ đông của Tổng Công ty theo Khoản 4 Điều này.”

40. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

“Điều 39. Mối quan hệ giữa Tổng Công ty với các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng Công ty thông qua người đại diện vốn góp của Tổng Công ty

1. HĐQT, Tổng Giám đốc quản lý hoạt động của doanh nghiệp mà Tổng Công ty góp vốn thông qua người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Tổng Công ty tại doanh nghiệp đó và thông qua các phương thức khác phù hợp quy định của pháp luật.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty tại doanh nghiệp có vốn góp của Tổng Công ty do HĐQT quyết định.

3. Việc quản lý của Tổng Công ty đối với doanh nghiệp có vốn góp của Tổng Công ty được cụ thể hóa bằng các Quy chế do Tổng Công ty ban hành.”

41. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 44 như sau:

“1. HĐQT tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán theo quy định pháp luật tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng Công ty.”

42. Sửa đổi, bổ sung một số Khoản Điều 45 như sau:

42.1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 như sau:

“1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHCĐ báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Tổng công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.”

42.2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 như sau:

“3. Báo cáo và tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ.”

42.3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 như sau:

“4. Báo cáo quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty chậm nhất là 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ.

Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.”

43. Sửa đổi, bổ sung Điều 46 như sau:

“Điều 46. Công khai thông tin về Tổng Công ty

1. Tổng Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tổng Công ty phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của mình và của cơ quan đại diện chủ sở hữu những thông tin sau đây:

- a) Thông tin cơ bản về Tổng Công ty và Điều lệ Tổng Công ty;
 - b) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính;
 - c) Báo cáo thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức Tổng công ty;
 - d) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm.
3. Tổng Công ty công khai các thông tin khác theo quy định pháp luật hiện hành.”

44. Sửa đổi, bổ sung Điều 48 như sau:

“Điều 48. Giải thể doanh nghiệp

Các trường hợp, điều kiện giải thể doanh nghiệp và trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp và vấn đề có liên quan khác tuân thủ theo quy định tại Điều 207, 208,

209, 210 và Điều 211 của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.”

45. Sửa đổi, bổ sung Điều 49 như sau:

“Điều 49. Phá sản

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.”

46. Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu Khoản 1 Điều 50 như sau:

“1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng Công ty hay liên quan tới quyền và nghĩa vụ của cổ đông phát sinh từ các quy định của Điều lệ hoặc liên quan đến quyền hoặc nghĩa vụ của cổ đông được quy định bởi Luật doanh nghiệp hoặc các văn bản pháp luật khác giữa: ...”

47. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:

“Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định. Cổ đông, nhóm cổ đông, người triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT có thể đề xuất dự thảo các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ trình ĐHĐCĐ xem xét và quyết định theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.”

48. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 như sau:

“Điều 52. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 12 Chương 52 Điều và được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty nhất trí thông qua ngày tháng năm....

2. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT và/hoặc của Tổng Giám đốc Tổng Công ty hoặc được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hoặc có chữ ký của trên 1/2 tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị./.”

49. Thay cụm từ “Người” thành “Cá nhân, tổ chức”.

50. Thay cụm từ “Cán bộ đảm nhiệm chức danh quản lý khác” thành “cá nhân giữ chức danh quản lý khác”.